

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-BKHĐT ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/ hủy bỏ lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế; bao gồm:

- Danh mục 03 TTHC mới ban hành;
- Danh mục 04 TTHC sửa đổi, bổ sung.

(Xem Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

1. Cập nhật các TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.
2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, hoàn thành việc cấu hình TTHC trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung.

3. Thực hiện giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP. Huế; *(gửi qua mạng);*
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Sở KH&ĐT *(gửi bản chính);*
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

Phụ lục

DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA), VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỪA THIÊN HUẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1956 /QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I

1. Danh mục TTHC mới ban hành

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Đăng ký mức độ Dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
1	1.008411	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Theo quy định của Chính phủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 01 Lê Lai, thành phố Huế)	Không	3	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
2	1.008424	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản	Thời gian xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 45 ngày			3	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
3	1.008425	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu	Thời gian xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất chương trình, dự án kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 45 ngày			3	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

2. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	2.001932	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Theo quy định của Chính phủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 01 Lê Lai, thành phố Huế)	Không	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP thay thế Nghị định 16/2016/NĐ-CP và Nghị định 132/2018/NĐ-CP
2	2.000045	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại	Theo quy định của Chính phủ			
3	2.002053	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi			
4	2.002050	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm	Theo quy định của Chính phủ			

PHẦN II

Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính (Ban hành kèm theo Quyết định số 1956 /QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

1. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản đề nghị góp ý kiến của về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Bước 2: Căn cứ ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan khác, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh tổ chức thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án (bản gốc)

Bước 4: Căn cứ quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo chính thức cho nhà tài trợ nước ngoài và đề nghị xem xét tài trợ chương trình, dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; bằng văn bản.
- Thông qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

- Công văn của UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản đề nghị góp ý kiến về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Bản chính);
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Bản chính);
- Các tài liệu khác (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ gốc (riêng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: 03 bộ)

đ) Thời hạn giải quyết: Theo quy định của Chính phủ.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định chủ trương chương trình, dự án của UBND tỉnh.

i) Lệ phí: Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo tài liệu về khoản hỗ trợ ngân sách chung.

Nội dung tài liệu: Nêu rõ bối cảnh, sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, hoạt động chủ yếu, kết quả, hiệu quả kinh tế - xã hội; tổng vốn, nguồn và cơ cấu vốn, các nguồn lực khác; điều kiện tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách, quyền lợi và nghĩa vụ; phương thức tài trợ và hình thức tổ chức quản lý; cân đối ngân sách của địa phương, phương án sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của ngân sách địa phương và cam kết thanh toán trả nợ (đối với khoản hỗ trợ ngân sách chung cho UBND cấp tỉnh vay lại toàn bộ).

Bước 2: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, hoạt động chủ yếu, kết quả, hiệu quả kinh tế - xã hội, tổng vốn, nguồn và cơ cấu vốn, các nguồn lực khác, điều kiện tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách, quyền lợi và nghĩa vụ, phương thức tài trợ và hình thức tổ chức quản lý của khoản hỗ trợ ngân sách chung.

Bước 3: Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung làm cơ sở cho việc đàm phán, ký kết, tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; bằng văn bản.
- Thông qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

- Công văn của UBND tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung (Bản chính);

- Tài liệu kèm theo về khoản hỗ trợ ngân sách (Bản chính);

- Bản sao tài liệu làm việc với nhà tài trợ nước ngoài về dự án (nếu có)

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ gốc (riêng Tài liệu về khoản hỗ trợ ngân sách chung: 08 bộ)

đ) Thời hạn giải quyết:

Thời gian xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 45 ngày.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung của Thủ tướng Chính phủ.

i) Lệ phí: Không có**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có****l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.****m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật đầu tư công
- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

3. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo tài liệu về khoản hỗ trợ ngân sách, trong đó nêu rõ tình hình ngân sách ngành, lĩnh vực và dự kiến phương án sử dụng vốn cho các mục tiêu.

Bước 2: Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính (đánh giá tình hình ngân sách ngành, lĩnh vực; khả năng tiếp nhận hỗ trợ ngân sách để thực hiện các mục tiêu; các điều kiện nhận hỗ trợ ngân sách; việc thực hiện các cam kết) và ý kiến các cơ quan có liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tiếp nhận hỗ trợ ngân sách có mục tiêu, trong đó làm rõ danh mục chương trình, dự án sử dụng khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu, phương án bố trí kế hoạch vốn cho các bộ, ngành.

Trường hợp chưa xác định được danh mục chương trình, dự án cụ thể sử dụng khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối

hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ về phương án tiếp nhận phù hợp.

Bước 3: Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu cùng với danh mục chương trình, dự án cụ thể. Việc thực hiện trình tự, thủ tục lập, thẩm định quyết định đầu tư đối với chương trình, dự án cụ thể sử dụng khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; bằng văn bản.
- Thông qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

- Công văn của UBND tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương tiếp nhận chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung (Bản chính);

- Tài liệu kèm theo về khoản hỗ trợ ngân sách (Bản chính);
- Bản sao tài liệu làm việc với nhà tài trợ nước ngoài về dự án (nếu có)

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ gốc (riêng Tài liệu về khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu: 08 bộ)

đ) Thời hạn giải quyết:

Thời gian xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất chương trình, dự án kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ: không quá 45 ngày.

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu của Thủ tướng Chính phủ.

i) Lệ phí: Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Lập, thẩm định quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (Mã hồ sơ: 2.001932)

a) Trình tự thực hiện:

- Dự án không có cấu phần xây dựng:

Bước 1: Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

Bước 2: Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định dự án;

Bước 3: Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 44 và khoản 2 Điều 45 của Luật Đầu tư công;

Bước 4: Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư.

- Trình tự lập thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng: thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác có liên quan đến quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ dự án quan trọng quốc gia.

- Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài áp dụng cơ chế tài chính trong nước theo hình thức cho vay lại, việc lập, thẩm định chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và phải được thẩm định phương án tài chính của chương trình, dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; bằng văn bản.

- Thông qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định chương trình, dự án (Bản chính);

- Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án (Bản chính);

- Các tài liệu khác có liên quan.

d) Số lượng hồ sơ: Theo quy định của Chính phủ

đ) Thời hạn giải quyết: Theo quy định của Chính phủ

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đầu tư chương trình, dự án.

i) Lệ phí: Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Theo quy định của Chính phủ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

2. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại (Mã hồ sơ: 2.000045)

a) Trình tự thực hiện:

- Đối với dự án, phi dự án không quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định 56/2020/NĐ-CP:

Bước 1: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh có văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Trường hợp dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản góp ý về những nội dung của Văn kiện dự án, phi dự án và những vấn đề cần thiết có liên quan.

Bước 3: UBND tỉnh chủ trì thẩm định dự án, phi dự án với các nội dung gồm: sự phù hợp của dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện; vốn và khả năng cân đối vốn, cơ chế tài chính; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách dành cho các hạng mục chủ yếu; cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của nhà tài trợ nước ngoài và các bên tham gia (nếu có); hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả vào thực tiễn và tính bền vững sau khi kết thúc; những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

Bước 4: Căn cứ kết quả thẩm định, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.

Nội dung chính của Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án gồm (i) Tên dự án, phi dự án; (ii) Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài

(nếu có); (iii) Tên cơ quan chủ quản, chủ dự án; (iv) Thời gian, địa điểm thực hiện; (v) Mục tiêu, hoạt động và kết quả; (vi) Tổ chức quản lý; (vii) Tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn gồm: Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam) và vốn đối ứng (đồng Việt Nam) và; (viii) Các nội dung khác.

Bước 5. Sau khi Văn kiện dự án, phi dự án được phê duyệt, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản và các tài liệu liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

Bước 6: Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo chính thức cho nhà tài trợ nước ngoài và đề nghị xem xét tài trợ.

- Đối với dự án, phi dự án quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định 56/2020/NĐ-CP:

UBND tỉnh không tổ chức thẩm định. Người đứng đầu cơ quan chủ quản căn cứ Quyết định chủ trương thực hiện để quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; bằng văn bản.
- Thông qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản lấy ý kiến (Bản chính).
- Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của chủ dự án (Bản sao hợp lệ).
- Dự thảo Văn kiện dự án, phi dự án (Bản sao).
- Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan (Bản sao).
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có) như: văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án, thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ, văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ (Riêng Văn kiện dự án, phi dự án: 08 bộ)

đ) Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn kiện dự án, phi dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V và Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật đầu tư công

- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Phụ lục V

MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI

(Kèm theo Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.
4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án.
5. Địa điểm thực hiện dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Nêu rõ các mục tiêu tổng quát và cụ thể của dự án.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN

Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật; đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án.

IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN

Nêu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).
3. Cơ chế tài chính.

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ)

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có)/.

Phụ lục VI MẪU VĂN KIẾN PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI

(Kèm theo Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.
4. Thời gian dự kiến.
5. Địa điểm thực hiện.

II. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN

1. Nêu sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án.
2. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ nước ngoài.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA PHI DỰ ÁN

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và nội dung của phi dự án.

IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN PHI DỰ ÁN

Nêu rõ cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý phi dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện khoản phi dự án của chủ dự án.

V. TỔNG VỐN CỦA PHI DỰ ÁN

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
3. Cơ chế tài chính.

VI. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có)/.

3. Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng (Mã HSTTHC: 2.002053)

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư chương trình, dự án và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, trình cơ quan chủ quản xem xét và phê duyệt.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, cơ quan chủ quản chương trình, dự án, gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; bằng văn bản.
- Thông qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được lập cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn vốn tương ứng (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo (Bản chính).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

đ) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được phê duyệt

i) Lệ phí: Không có.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

4. Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm (Mã HSTTHC 2.002050)

a) Trình tự thực hiện:

1. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được cơ quan chủ quản phê duyệt; căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét và trình người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hằng năm là một phần kế hoạch đầu tư hằng năm của cơ quan chủ quản.

2. Cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt kế hoạch thực hiện hằng năm.

3. Hằng năm, vào thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, cơ quan chủ quản tổng hợp kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm vào kế hoạch đầu tư công và kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan chủ quản.

- Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Hằng năm, vào cùng thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, chủ dự án lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án trình cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch vốn ODA, vốn vay ưu đãi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan được ủy quyền cho vay lại để theo dõi, giám sát tình hình thực hiện. Cơ quan chủ quản, chủ dự án có trách nhiệm tự cân đối đủ vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện của chương trình, dự án.

- Đối với chương trình, dự án vay lại một phần từ ngân sách nhà nước: Tùy theo tính chất của từng hợp phần chương trình, dự án (cấp phát toàn bộ hay cho vay lại), chủ dự án áp dụng quy trình lập và trình duyệt kế hoạch của chương trình, dự án tương ứng với từng hợp phần của chương trình, dự án theo quy định tại khoản 1, 2, 7 Điều 42 Nghị định số 56.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm, chủ dự án gửi cơ quan chủ quản và thông qua cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; bằng văn bản.
- Thông qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ:

Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm phải có thông tin chi tiết về các hợp phần (chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, kể cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: Không có

e) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm được phê duyệt

i) Lệ phí: Không có

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài./.